

Người đồng tính dưới góc nhìn của các tôn giáo hiện nay

Cao Dương Cảnh*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 10-12 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài 28/4/2024; ngày chuyển phân biện 3/5/2024; ngày nhận phân biện 5/5/2024; ngày chấp nhận đăng 15/5/2024

Tóm tắt:

Bài báo cho thấy căn nguyên của Phật giáo - Công giáo - Hồi giáo về người đồng tính thông qua kinh điển, giáo lý, giáo luật và thực trạng, tác động thực tế của các quan điểm tôn giáo đến đời sống cộng đồng đồng tính nữ, đồng tính nam, người song tính, người chuyển giới (LGBT) trong từng bối cảnh tôn giáo. Phật giáo xem người đồng tính như người dị tính do biệt nghiệp tạo nên, bình đẳng về sinh học, có Phật tính nên vẫn có khả năng, quyền lợi và trách nhiệm như người dị tính. Công giáo xem người đồng tính là con Thiên Chúa, có tính nhân vị. Hồi giáo không công nhận sự hiện diện của người đồng tính, bởi Allah chỉ tạo nam và nữ. Về hành vi tình dục và hôn nhân, Phật giáo cho rằng, người đồng tính có quyền thực hiện các hành vi tình dục đồng tính, kết hôn đồng tính, với điều kiện tuân thủ giới luật tà dâm. Công giáo mời gọi họ sống độc thân khiết tịnh, không chấp nhận hành vi tình dục đồng tính và hôn nhân đồng tính. Hồi giáo thì không công nhận người đồng tính ở tất cả phương diện. Tu sĩ là người đồng tính Công giáo và Phật giáo có nét tương đồng có thể nhận họ hoặc không vào đời sống của tu sĩ với tư cách là một người đồng tính. Thần quyền và thế quyền về người đồng tính cũng được bàn đến ở khía cạnh xã hội.

Từ khoá: bá quyền văn hoá, người đồng tính, quan điểm tôn giáo, so sánh, thần quyền và thế quyền, thế tục hoá.

Chỉ số phân loại: 5.11, 5.13

Homosexual people from the perspectives of current religions

Duong Canh Cao*

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University - Ho Chi Minh City,
10-12 Dinh Tien Hoang Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received 28 April 2024; revised 5 May 2024; accepted 15 May 2024

Abstract:

The article shows the origins of Buddhism - Catholicism - Islam on homosexuals through scriptures, doctrines, canon laws and the reality and practical impact of religious views on the life of the lesbian, gay, bisexual, and transgender (LGBT) community in each religious context. Buddhism considers homosexuals as heterosexuals created by karma, have biological equality and Buddha nature, so they still have the same abilities, rights and responsibilities as heterosexuals. Catholicism considers homosexuals as children of God and they have human nature. Islam does not recognise the existence of homosexuals, because Allah only created men and women. Regarding sexual behaviour and marriage, Buddhism believes that homosexuals have the right to perform homosexual acts, same-sex marriage, on the condition that they comply with the precept of adultery. Catholicism calls them to live a life of celibacy and chastity, does not accept homosexual acts and same-sex marriage. Islam does not recognise homosexuals in all aspects. Regarding homosexual monks, both Catholicism and Buddhism share similar views on whether to accept their participation in monastic life as a homosexual individual or not. Theocracy and secular authority on homosexuality are also discussed in social aspects.

Keywords: comparison, cultural hegemony, homosexuals, religious perspectives, secularisation, theocracy and secularism.

Classification numbers: 5.11, 5.13

*Email: fx.caoduongcanh@gmail.com

1. Mở đầu

“*Đồng tính*” là từ viết tắt của cụm từ “*đồng tính luyến ái*” (homosexuality), là thuật ngữ chỉ sự hấp dẫn về mặt cảm xúc và tình dục giữa những người cùng giới tính [1]. Người đồng tính tồn tại và phát triển cùng với lịch sử phát triển loài người, nhưng cho đến nay, đồng tính vẫn là một vấn đề nhạy cảm cần quan tâm nghiên cứu.

Đến hiện tại chưa có một công trình nào bàn đến người đồng tính ở góc độ văn hoá so sánh, để thấy nét tương đồng và khác biệt, cũng như biết được căn nguyên quan điểm giữa các tôn giáo về người đồng tính, xuất phát từ giáo lý, kinh điển và bối cảnh lịch sử, văn hóa đặc thù. Nguyên nhân khiến một cộng đồng, một quốc gia có những quan điểm và cách hành xử khác nhau đối với người đồng tính. Trong đó, có một nguyên nhân quan trọng xuất phát từ ý thức hệ của tôn giáo. Chính ý thức hệ tôn giáo đã góp phần quan trọng trong việc định hình khuôn mẫu hành xử, các chuẩn mực đúng sai về người đồng tính. Do đó, tùy vào sự ảnh hưởng qua lại giữa tôn giáo và xã hội, mà quan niệm và hành xử đối với người đồng tính ở mỗi xã hội có sự khác nhau. Ngày nay, nhiều nước phương Tây đã hợp thức hoá các quyền lợi của người đồng tính. Ngược lại, một số nước, điển hình là các nước ở Trung Đông, lại lên án, thậm chí bắt giam, hoặc tử hình những người công khai họ là người đồng tính. Cũng có một số nước ở dạng trung lập, không lên án cũng không chấp nhận hoàn toàn các quyền lợi của người đồng tính, trong đó có Việt Nam.

Từ những lập luận đó, bài viết “*Người đồng tính dưới góc nhìn của các tôn giáo hiện nay*”, làm rõ căn nguyên quan điểm của Phật giáo, Công giáo và Hồi giáo về người đồng tính, cho thấy sự tương đồng và khác biệt trong quan điểm của các tôn giáo sẽ ảnh hưởng đến cách nhìn nhận và hành xử của một xã hội đối với người đồng tính.

2. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Lý thuyết nghiên cứu

Đề tài vận dụng lý thuyết của Antonio Gramsci về bá quyền (ideological hegemony). Trước hết, bá quyền quan hệ giữa áp bức và tuân chịu về mặt ý hệ. Thứ nữa, thực hành bá quyền có tính chất tiến trình, Gramsci gọi đây là cuộc chiến về vị thế (war of position), trong đó các định chế xã hội dần dần lan tỏa ảnh hưởng thông qua phổ biến và đặt định quan niệm về thế giới, cách giải thích thế giới. Những tiếng nói khác biệt được chuyển hóa dần và hòa nhập vào quan niệm của nhóm bá quyền theo tiến trình thương lượng (negotiation). Cuối cùng, bá quyền vận hành mềm dẻo và phức tạp, không đơn thuần là sự bắt buộc một chiều và nhất thành bất biến. Đây là tiến trình thỏa thuận và thương lượng, mỗi cá nhân chấp nhận điều gì đó để nhận được điều gì đó, được thuyết phục tin vào điều gì đó để làm điều gì đó đáp ứng sự mong mỏi của họ [2].

Vận dụng vào bài viết sẽ cho thấy được bá quyền về ý thức hệ của tôn giáo, bá quyền về văn hoá, thông qua căn nguyên của sự giải thích về người đồng tính của tôn giáo. Khi vận

hành vào xã hội cụ thể, mỗi tôn giáo sẽ thương lượng và đưa ra các quy tắc chuẩn mực dành cho người đồng tính khác nhau, trong từng bối cảnh văn hoá, xã hội cụ thể.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp luận, nghiên cứu này vận dụng phương pháp nghiên cứu định tính để trả lời cho các câu hỏi cần sự giải thích chi tiết, hiểu biết sâu sắc về hiện tượng và bối cảnh nghiên cứu của người đồng tính ở góc độ tôn giáo. Để từ đó hiểu được hành vi và quan hệ xã hội trong các tổ chức, các nhóm hoặc các cá nhân của người đồng tính. Không thể sử dụng phương pháp định lượng vì độ phức tạp và chi tiết của nghiên cứu.

Nghiên cứu này dùng phương pháp so sánh để thấy được bức tranh toàn vẹn về cái nhìn của tôn giáo về người đồng tính. Thông qua nét tương đồng và khác biệt về căn nguyên quan điểm về người đồng tính của Công giáo, Phật giáo và Hồi giáo. Cũng như thấy được thực trạng và tác động thực tế của các quan điểm tôn giáo đến đời sống cộng đồng LGBT trong từng bối cảnh tôn giáo.

Nghiên cứu này dùng kỹ thuật phân tích các tài liệu có trong kinh sách, giáo lý, giáo luật, các thông cáo, tuyên ngôn của các tôn giáo. Trình tự thống kê theo tiến trình lịch sử từ các nền tảng căn nguyên thông qua kinh sách, sau đó hệ thống tiến trình quan điểm qua các thời kỳ lịch sử, triều đại giáo hội, xem quan niệm đồng tính được giải thích như thế nào. Bên cạnh đó thu thập các dữ liệu từ xã hội, phân tích ảnh hưởng qua lại giữa tôn giáo và xã hội về người đồng tính.

3. Kết quả

3.1. Quan điểm của Phật giáo về người đồng tính

Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ, do Sakyamuni (Thích Ca Mâu Ni) sáng lập cách đây khoảng 2.500 năm, chủ yếu thịnh hành ở châu Á (Đông Á, Nam Á). Nền tảng tư tưởng Phật giáo là từ bi, trí tuệ, hỷ xả, nên Phật giáo chủ trương bình đẳng, chống lại sự phân biệt đối xử.

Biệt nghiệp, bình đẳng nơi người đồng tính: Phật giáo cho rằng, giới tính con người được quyết định do biệt nghiệp kiếp trước nơi mỗi con người tạo nên. Có hai loại nghiệp đó là cá thể và tập thể (cộng nghiệp): Cụ thể khi con người được sinh ra trong gia đình, tiếp nhận gen di truyền ba đời của cha mẹ tạo thành cộng nghiệp gia đình, rồi sau đó tạo thành cộng nghiệp cộng đồng, quốc gia và liên minh các quốc gia có cùng khuynh hướng. Đầu là cùng gia đình hay song sinh thì mỗi cá nhân đều có biệt nghiệp riêng biệt và khác nhau, đây chính là nguồn năng lượng quyết định tâm thức nhập vào hợp tử. Kinh Trung Bộ mô tả 4 yếu tố: thứ nhất tinh cha, thứ hai trứng mẹ, thứ ba là tinh và trứng giao phối thời kì người nữ thụ thai, thứ tư ở nơi có sự sống con người. Thì khi con người vừa chết, tâm thức thoát khỏi cơ thể, thì nhập vào bào thai khi hợp tử vừa được hình thành, được gọi mầm sống mới. Toàn bộ biệt nghiệp của từng cá nhân quyết định cho con người được sinh ra trong

gia đình, để mang các yếu tố sinh học, cộng nghiệp giàu có hay nghèo khổ, thuận lợi hay khó khăn, một phần sự sống và ảnh hưởng xã hội trong cuộc sống. Không phải do Thượng đế hay yếu tố sinh học quyết định toàn bộ, mà nó bị quyết định bởi biệt nghiệp đến con người. Thế nên người đồng tính cũng giống như người dị tính được cho là do biệt nghiệp quyết định giới tính nơi mỗi con người, chứ không đơn thuần liên quan đến yếu tố sinh học

Xuất phát bối cảnh lịch sử ra đời của Phật giáo, tính bình đẳng được đặt nền tảng trong ý thức hệ Phật giáo. Phật giáo chủ trương các loại bình đẳng xã hội: pháp lý, đạo đức, tâm linh, chính mình về tu chứng. Các học thuyết bình đẳng đã giúp nền minh triết của Đức Phật đi trước thời đại, nhằm tái cấu trúc xã hội theo một cách thế mỗi người đều được tôn trọng các nhân quyền. Nhằm giúp con người trách được tất cả hình thức mặc cảm tự ti nơi mỗi người một cách tối đa, bên cạnh đó loại trừ các kỳ thị, thiên kiến những người không thuộc về mình.

Một trong các học thuyết về bình đẳng được Đức Phật đề cập trong Kinh Trung Bộ, đó là bình đẳng về sinh học, Đức Phật phân tích rất rõ, dù là nam, nữ, đồng tính, thì cấu trúc sinh học mà các chi thể của con người đều giống nhau. Nhằm kêu gọi trong ứng xử xem người đối diện là một con người có đầy đủ nhân phẩm. Ngoài ra Phật giáo còn có học thuyết Phật tính, đó là bản chất giác ngộ có sẵn trong con người, dù là nam hay nữ, hoặc đồng tính. Bản chất giác ngộ là đặc tính cao nhất mà trong quá trình tiến hoá về mặt đạo đức, tâm thức mà con người đạt được. Như vậy đã là con người thì dù là nam hay nữ, hoặc đồng tính đều bình đẳng, đều có Phật tính nơi mỗi con người thì không lý do gì loại trừ, kỳ thị người đồng tính.

Hành vi tình dục và hôn nhân đồng tính Phật giáo: Do Phật giáo không xem hành vi tình dục của người đồng tính là một vấn đề đạo đức, nên tùy mỗi giáo phái, pháp luật của mỗi quốc gia, hay khế ước xã hội mà Phật giáo quan niệm khác nhau về hành vi tình dục đồng tính. Theo giới luật Phật giáo, thì hành vi tình dục của người đồng tính không vi phạm giới luật tà dâm dành cho người cư sĩ. Bởi giới luật tà dâm của Phật giáo chỉ vi phạm khi có hành vi tình dục ngoài mối quan hệ hợp pháp được pháp luật hay khế ước xã hội công nhận, chứ không phân biệt tình dục đồng tính hay dị tính. Chính dựa pháp luật sở tại, khế ước xã hội mà Phật giáo có nhiều tông phái có quan niệm khác nhau về hành vi tình dục người đồng tính vi phạm luật tà dâm hay không. Chẳng hạn vị đại diện của Phật giáo Tây Tạng nói chung và phái Gelugpa nói riêng đó là Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 đã cho rằng, Đức Dalai Lama - xác nhận nhân phẩm và quyền của đồng tính nam và đồng tính nữ, nhưng ngài cũng cho rằng, sự thủ dâm hay giao hợp đường miệng, hậu môn là không thích hợp và người tu Phật cần phải tránh [3]. Bởi lẽ đó là truyền thống Phật giáo Tây Tạng cho rằng đó là vi phạm luật tà dâm. So với Việt Nam thì hành vi tình dục đồng tính không được xem là vi phạm pháp luật, bởi Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã loại trừ việc kết hôn theo khế ước xã hội ra khỏi điều cấm của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Thế nên

các mối quan hệ, hành vi tình dục đồng tính ở Việt Nam không được xem là vi phạm giới luật tà dâm. Nhưng việc cử hành lễ hằng thuận tại các chùa ở Việt Nam chưa thể thực hiện được, bởi hiện tại Việt Nam chưa hợp thức hoá hôn nhân đồng tính.

Tóm lại, Phật giáo xem tình dục đồng tính là một thiên hướng biệt nghiệp, là một quyền được thụ hưởng ngang bằng với người dị tính, cũng không xem hôn nhân của con người là một sự việc của thần thánh, mà nó chỉ mang tính chất của con người. Cũng như xem việc sinh sản của con người là sự tiếp nối của sự khổ đau, nhưng việc con người tái sinh là một cơ hội gần với tái sinh vào niết bàn.

Người đồng tính Phật giáo với vai trò tu sỹ: Dù Phật giáo không lên án hay loại trừ người đồng tính ra khỏi Phật giáo, nhưng một thực tế cho thấy, ở một số quốc gia vẫn còn kỳ thị, hay áp lực vai trò giới dẫn đến những người đồng tính có xu hướng chọn lựa con đường tu trì với mong ước tu tập để sống đúng với lời Phật dạy, hoặc nhằm che lấp xu hướng tính dục nơi mình.

Việc đón nhận các tín đồ đồng tính gia nhập vào hàng tu sỹ của Phật giáo đã diễn ra hai quan điểm chính. Quan điểm thứ nhất cho rằng, không thể nhận các tín đồ đồng tính vào hàng tu sỹ Phật giáo bởi các lý do: môi trường sống chung tăng đoàn sẽ khiến cho bản thân và những vị khác khó tu tập, bởi lẽ tuy mang thân xác là nam hoặc nữ, nhưng xu hướng tính dục họ là đồng tính. Một yếu tố nữa là những người đồng tính được xem là “hoàng môn”, ở các dạng sau: 1. Āsitta - paṇḍaka, Biền hoàng môn (變黃門), nghĩa là khi muốn hành dâm thì mất nam căn (變者與他行淫時失男根變為黃門). Trong xã hội hiện đại gọi là Đồng tính nam (gay) và Đồng tính nữ (lesbian). 2. Usūya - paṇḍaka, Đố hoàng môn (妒黃門), nghĩa là khi thấy người khác hành dâm thì tâm dâm (nam căn) khởi lên (妒者見他行淫已有淫心起). Theo tâm lý học hiện đại gọi là Thị dâm. 3. Opakkamika - paṇḍaka, Kiên hoàng môn (犍黃門), nghĩa là người bị thiếu, bị cắt bỏ bộ phận sinh dục (犍者生己都截去作黃門). 4. Pakkha - paṇḍaka, Bán nguyệt hoàng môn (半月黃門), nghĩa là người thay đổi giới tính trong nửa tháng, nửa tháng nam, nửa tháng là nữ (半月者半月能男半月不能男). Tương đương là song tính luyến ái trong xã hội hiện đại (bisexual). 5. Napuṃsaka - paṇḍaka : Sinh hoàng môn (生黃門), nghĩa là khi sinh ra đã là hoàng môn (生者生己來黃門), người sinh ra không có cơ quan sinh dục, nếu có thì cũng không rõ ràng. Tương đương như người vô tính (nonsexuality) [3]. Như vậy những vị nào thuộc “hoàng môn” sẽ không được giới Tỳ Kheo, Sa Di. Đức Phật không cho những người đó gia nhập tăng đoàn, bởi vì có thể họ sẽ làm xấu phẩm hạnh của các thành viên khác. Sự nguy hại đó ảnh hưởng đến uy tín của Tỳ Kheo và Tỳ Kheo ni đối với xã hội và có nguy cơ phá vỡ đời sống Tăng, vì nó cản trở tiến trình tu tập [4].

Nhưng theo quan điểm thứ hai thì có thể nhận các tín đồ đồng tính gia nhập tăng đoàn, bởi các lý do sau: Phật giáo chỉ không cho những người nào không đủ lực căn bản cụ thọ giới, nhưng xét trường hợp người đồng tính thì người đồng tính

có đủ lực căn bất cụ. Việc hiểu về “hoàng môn” là một việc rất quan trọng: thời Đức Phật, “hoàng môn” là những người thiếu bộ phận sinh dục như thái giám, chứ không đề cập đến xu hướng tính dục như ngày hôm nay. Thế nên không thể xếp người đồng tính là người hoàng môn. Ngoài ra, việc cho rằng những tín đồ đồng tính sẽ yêu đương, gây khó cho việc tu tập trong tăng đoàn là một điều phi lý, bởi lẽ tất cả những vị thọ giới Tỳ Kheo, Sa Di đều bị giới luật cấm không được “ái dục”, dù là nam, nữ hay đồng tính.

Với những quan điểm khác nhau như vậy, Phật giáo ở Nhật Bản rất cởi mở và chấp nhận tu sĩ là người đồng tính. Trong khi đó, Phật giáo tại Thái Lan nghiêm cấm đồng tính gia nhập giáo đoàn, điển hình là vụ việc hòa thượng Pisam Thamapatee trục xuất cả ngàn vị tăng đồng tính ra khỏi giáo đoàn năm 2003 [5].

3.2. Quan điểm của Công giáo về người đồng tính

Công giáo ra đời cách đây hơn 2.000 năm, với ý nghĩa là đạo chung, đạo phổ quát cho mọi người, chứ không riêng cho dân tộc hay quốc gia nào [6]. Với gần 1,4 tỷ tín đồ trên khắp thế giới, Công giáo là một tổ chức thống nhất về quan điểm tín lý và luân lý.

Nhân vị người đồng tính Công giáo: Công giáo không lên án khuynh hướng đồng tính mà xem đó là một khuynh hướng tính dục bình thường giống như người dị tính. Bởi vì mỗi con người đều mang hình ảnh của Thiên Chúa, “có phẩm giá của một ngôi vị” [7], “hình ảnh sống động của Thiên Chúa” [7]. Sách Giáo lý của Giáo hội Công giáo (số 2.358) đã nói lên tinh thần này: “Đừng quên một số người đã có khuynh hướng đồng tính luyến ái thâm căn, khuynh hướng lệch lạc ấy là một thử thách. Chúng ta phải đón nhận họ với lòng tôn trọng, thông cảm và tế nhị, tránh đối xử bất công” [8].

Không chỉ thế, Giáo hội Công giáo còn xem họ là những đứa con cần yêu thương hơn trong lòng Giáo hội là Mẹ của tín đồ. Sách giáo lý số 2.358 của Giáo hội Công giáo đã nói lên tinh thần này: “Đừng quên một số người đã có khuynh hướng đồng tính luyến ái thâm căn, khuynh hướng lệch lạc ấy là một thử thách. Chúng ta phải đón nhận họ với lòng tôn trọng, thông cảm và tế nhị, tránh đối xử bất công. Cả những người này cũng được mời gọi thực hiện ý Chúa trong cuộc sống” [8].

Việc đón nhận người đồng tính trong gia đình và xem họ như một phần tử đang có được Giáo hoàng Phanxicô hết sức lưu tâm. Trong Tông huấn Hậu Thượng hội đồng về tình yêu trong gia đình (Amoris laetitia) năm 2016, Giáo hoàng Phanxicô nói rằng: “tôi muốn khẳng định lại rằng mọi người, không phân biệt khuynh hướng tính dục, phải được tôn trọng theo phẩm giá của họ và phải được đón nhận với lòng kính trọng, hết sức tránh “mọi dấu hiệu kỳ thị bất công” và nhất là mọi hình thức gây hấn và bạo lực. Còn đối với gia đình thì cần bảo đảm một sự đồng hành trân trọng, để người có xu hướng đồng tính có thể nhận được sự trợ giúp cần thiết, để họ hiểu và thi hành trọn vẹn thánh ý Thiên Chúa trên cuộc đời của mình”

[9]. Cũng với quan điểm đó, trong một cuộc phỏng vấn năm 2019, Giáo hoàng nói: “Họ [những người đồng tính] là con cái của Chúa và có quyền có gia đình”; “Người đồng tính có quyền ở trong một gia đình và cha mẹ có quyền công nhận cậu con trai này là đồng tính, cô con gái này là đồng tính. Không ai phải bị loại trừ hoặc bị làm cho đau khổ vì điều đó” [10].

Trong Thư gửi các giám mục Giáo hội Công Giáo về chăm sóc mục vụ cho các người đồng tính luyến ái, Bộ giáo lý đức tin đã lên án những người, tổ chức hay ý thức hệ nào lên án loại bỏ người đồng tính ra bên lề của xã hội. Bộ giáo lý đức tin xem lối cư xử đó là đối tượng của sự dữ bạo lực trong lời nói hay trong hành động người đồng tính phải gánh chịu. Bên cạnh đó kêu gọi mục tử của Giáo Hội kết án lối cư xử như thế tại bất cứ nơi nào nó xảy ra. Bởi điều đó bộc lộ một loại coi thường người khác, gây nguy hiểm cho các nguyên tắc nền tảng nhất của một xã hội lành mạnh. Phẩm giá nội tại của mỗi con người phải luôn luôn được tôn trọng trong lời nói, hành động hay trong luật pháp. Bộ giáo lý đức tin cũng lưu ý chỉ lên án phản đối các tổ chức kỳ thị phù hợp với giáo huấn của giáo hội về đồng tính, không nên công bố rằng tình trạng đồng tính luyến ái không phải là bị rối loạn, để thừa nhận hoạt động đồng tính luyến ái là đúng. Bởi lẽ Công giáo không chấp nhận hành vi tình dục đồng tính cũng như hôn nhân đồng tính.

Giáo hội mời gọi con cái mình là những người đồng tính sống đúng ơn gọi của mình, vác thập giá đời mình trong niềm hy vọng. Sách giáo lý số 2359 của Hội thánh Công giáo nói rõ: “Những người đồng tính luyến ái cũng được mời gọi sống khiết tịnh. Họ có thể và phải cương quyết tiến dần đến sự toàn thiện Ki-tô giáo nhờ kinh nguyện và ân sủng bí tích, nhờ biết tự chủ để củng cố tự do nội tâm và nhờ sự nâng đỡ của một tình bạn vô vị lợi” [8]. Bên cạnh đó Công giáo còn cho rằng mỗi tín đồ đều được mời gọi nên thánh theo bậc sống của mình. Không phải chỉ Giáo hoàng, giám mục, linh mục hay tu sĩ nam nữ mới được mời gọi nên thánh. Mà cả những người lập gia đình dị tính cũng được mời gọi, đặc biệt hơn là những người con đồng tính trong giáo hội càng được mời gọi nên thánh. Trong Hiến chế tín lý về Giáo hội Lumen Gentium, chương IV Giáo dân đã đề cập đến việc này: “Trong giáo hội không phải tất cả mọi người đều cùng đi theo một con đường như nhau, nhưng tất cả đều được kêu gọi nên thánh, và đã nhận được một đức tin như nhau nhờ sự công chính của Thiên Chúa”, “Tất cả mọi người trong Hội thánh, hoặc thuộc hàng giáo phẩm cũng như những kẻ được họ coi sóc, cũng đều được kêu gọi nên thánh”, “Tất cả mọi tín hữu, dù thuộc bất cứ bậc sống hay hoàn cảnh nào, đều được kêu gọi đạt đến sự sung mãn của đời sống Kitô hữu và sự trọn lành của đức ái” [4], “tất cả mọi Kitô hữu đều được kêu gọi và thậm chí có nghĩa vụ phải luôn tìm kiếm sự thánh thiện và trọn lành trong bậc sống của mình” [11].

Hành vi tình dục và hôn nhân đồng tính Công giáo: Đặt trên nền kinh thánh thì thời Cựu ước trong sách Sáng thế mô tả lại cảnh huỷ diệt thành Xơ-đôm và Gô-mô-ra khi dân hai

thành này thực hiện việc quan hệ tình dục đồng tính: “*Khi mặt trời mọc lên trên mặt đất thì ông Lót vào Xô-a. Đức Chúa làm mưa diêm sinh và lúa từ Đức Chúa, từ trời, xuống Xô-đôm và Gô-mô-ra. Người phá đổ các thành ấy và cả vùng, cùng với toàn thể dân cư các thành ấy và cây cối trên đất*”. Sách Lê vi có viết “*Người không được nằm với đàn ông như nằm với đàn bà: đó là điều ghê tởm*”. “*Khi người đàn ông nào nằm với một người đàn ông như nằm với đàn bà, thì cả hai đã làm điều ghê tởm; chúng phải bị xử tử, máu chúng đổ xuống đầu chúng*” [12]. Đến thời Tân ước trong sách Rôma đã diễn tả lại: “*Đàn ông cũng vậy, không quan hệ với đàn bà theo lẽ tự nhiên, mà lại đem lòng thèm muốn lẫn nhau: đàn ông bậy bạ với đàn ông. Như vậy là chuốc vào thân hình phạt xứng với sự lầm lạc của mình*” [12]. Trong thần học tạo dựng thì từ những trang đầu của Kinh thánh đã nói rất rõ, Thiên Chúa tạo nên con người có nam, có nữ. Thiên Chúa chúc lành cho sự kết hợp này, và còn giao họ quyền cai quản, bổ sung cho nhau của phái tính, cộng tác với Thiên Chúa trong lưu truyền sự sống bằng sự trao ban chính mình cho nhau. Đến thời Tân ước Chúa Giesu tái khẳng định hôn nhân là sự kết hợp giữa nam và nữ, nâng mỗi kết hợp này lên hàng bí tích.

Từ đó hành vi tình dục đồng tính vi phạm bí tích hôn nhân, bởi lẽ không đáp ứng được mục đích và đặc tính bí tích hôn nhân của Công giáo. Công giáo chỉ công nhận hành vi tình dục xây ra trong hôn nhân giữa nam và nữ để “*cộng sự với Đấng tạo hóa*” trong việc truyền sinh [7]. Trong Tông huấn Hậu thượng Hội đồng Christifideles Laici, Giáo hoàng Gioan Phaolo II nói hôn nhân là “*chiếc nôi của sự sống và tình yêu*”, hôn nhân là “*thánh điện của sự sống*”, hôn nhân có vai trò “*cổ vũ và xây dựng nền văn hóa sự sống*” [7]. Bởi thế hôn nhân Công giáo loại bỏ và lên án các hình thức “*triệt sản và phá thai*” [7] cũng như các “*phương pháp ngừa thai dưới nhiều hình thức khác nhau*” [7]. Giáo hội lên án sự can thiệp của “*kỹ thuật sinh sản*” để “*tách rời hành vi kết hợp vợ chồng ra khỏi hành vi sinh sản*” chẳng hạn: “*gieo tinh*”, “*thụ tinh nhân tạo đồng nguồn*” [7]. Vì xem kết quả “*đưa trẻ đó được sinh ra là kết quả của một hành vi công nghệ hơn là kết quả tự nhiên của một hành vi nhân linh*” [7].

Như vậy, Công giáo xem hôn nhân là bí tích, có sự kết nối giữa thần thiêng và con người, được gọi là thiên luật. Trong Giáo hội Công giáo có hai loại luật, đó là luật Thiên Chúa và luật Hội thánh. Đối với luật Thiên Chúa là luật không bao giờ được thay đổi, còn luật Hội thánh có thể thay đổi. Bộ giáo luật Hội thánh Công giáo điều 1059 nói rõ: “*Hôn nhân của những người Công giáo bị chi phối không chỉ luật Thiên Chúa mà còn luật của Giáo hội Công giáo nữa*” [13].

Việc lên án hành vi tình dục đồng tính, và chống đối cũng như không nhận hôn đồng tính, đã làm cho giáo hội Công giáo phải đối diện cả bên ngoài và bên trong giáo hội. Thư của Bộ giáo lý đức tin gửi các Giám mục về đồng tính đã nói: ngày nay càng có nhiều người, ngay cả bên trong Giáo hội, đang gây áp lực to lớn để Giáo hội chấp nhận tình trạng đồng tính như

thể nó không phải là bị rối loạn và không chấp nhất hành vi đồng tính. Những người thuộc Giáo hội lý luận theo cách này thường có mối liên hệ chặt chẽ với các người bên ngoài Giáo hội có cùng quan điểm. Nhóm người này được hướng dẫn bởi quan niệm đối nghịch với sự thật về con người, vốn được bộc lộ hoàn toàn trong mầu nhiệm Đức Kitô. Họ phản ánh, ngay cả không phải một cách ý thức hoàn toàn, một ý thức hệ duy vật vốn chối bỏ bản tính siêu vượt của con người cũng như ơn gọi siêu nhiên của mọi cá nhân [14].

Sự xung đột ý thức hệ về luân lý tính dục đồng tính đã, đang và sẽ diễn ra trong và giáo hội, mà điều đáng lưu ý là sự xung đột bên trong giáo hội, đây cũng có thể là cơ hội hay thách thức của giáo hội về giáo huấn tính dục đồng tính. Trong phần này đề cập đến sự xung đột bên trong giáo hội, còn phần bên ngoài giáo hội sẽ được phân tích ở phần tiếp theo. Thật vậy thông qua các triều đại giáo hoàng, nhận thấy vấn đề tính dục đồng tính được bàn đến một cách cụ thể và công khai hơn. Ba triều đại Giáo hoàng gần đây, đó là: Gioan Phaolo II, Benedict XVI, và Phanxico. Thì vấn đề hôn nhân đồng tính được bàn đến nhiều nhất, các xung đột về luân lý tính dục đồng tính nói chung, hôn nhân đồng tính nói riêng diễn ra một cách công khai. Trong triều đại của Giáo hoàng Gioan Phaolo II, Benedict XVI thì ra sức bảo vệ lập trường của giáo hội một cách cứng nhắc và khắt khe, loại trừ tiếng nói ngược lại giáo huấn của giáo hội một cách bảo thủ. Đến triều đại giáo hoàng Phanxico, tuy không thay đổi lập trường giáo huấn của giáo hội về đồng tính, nhưng ngôn từ, phương cách tế nhị, đối thoại và tôn trọng, lắng nghe nhiều tiếng nói hơn. Cũng chính trong triều đại này mà giáo hội Công giáo phải đối diện vấn đề hôn nhân đồng tính rõ ràng và cấp bách hơn. Cụ thể là việc giáo hội Đức và Bỉ lần lượt công khai nghi thức chúc lành cho các cặp hôn nhân đồng tính. Nó được xem như một hồi trống dấy lên, như một hành động cụ thể của giáo hội Công giáo dành cho người đồng tính. Sau khi tuyên bố của hai giáo hội này, Bộ giáo lý đức tin đã đưa ra một tuyên bố là không thể chúc lành cho các cặp hôn nhân đồng tính, và nói không thể chúc lành cho một hành động tội lỗi được. Dù gặp phản đối từ Bộ giáo lý đức tin, nhưng hai giáo hội vẫn tiếp tục chúc lành cho các kết hợp đồng tính.

Sau khi Bộ giáo lý đức tin ra tuyên bố không thể chúc lành cho các kết hợp đồng tính, Giáo hoàng Phanxico đã thay thế Tổng trưởng Bộ giáo lý đức tin, đó là Hồng y Gerhard Ludwig Mueller [15]. Khi Tổng trưởng Bộ giáo lý đức tin là Hồng y Víctor Manuel Fernández [16] (lúc bấy giờ là Tổng giám Mục) sau khi nhậm chức không lâu thì đã ra một tuyên ngôn Fiducia supplicans về ý nghĩa mục vụ của các lời chúc lành [17] và được Giáo hoàng Phanxico ký tên xác nhận. Đây là một tuyên ngôn gây tiếng vang trong và ngoài giáo hội Công giáo, khi Bộ giáo lý đức tin đồng ý cho chúc lành cho các cặp hôn nhân bất quy tắc, trong đó có các cặp hôn nhân đồng tính. Sự phản kháng giữa phe bảo thủ và cấp tiến hiện rõ. Các giáo hội ở châu Âu đại đa số đã ủng hộ tuyên ngôn này và cho rằng đây là một hành động cụ thể của giáo hội đối với những người

đồng tính. So với giáo hội ở châu Phi thì lên án kịch liệt, và không cho phép các linh mục được thực hiện các chức lãnh này. Các giám mục tại châu Phi cho rằng tuyên ngôn Fiducia supplicans là “*chủ nghĩa thực dân mới*” của phương tây [18]. Hồng y Müller nguyên Tổng trưởng Bộ giáo lý đức tin đã lên tiếng chống đối tuyên ngôn gay gắt, cho rằng tuyên ngôn này mang hàm ý mơ hồ, khi không phân biệt đâu là chức lãnh phụng vụ, đâu là chức lãnh cá nhân, sự báng bổ, một tội lỗi, phản bội Chúa, phóng khoáng và cởi mở hơn Thiên Chúa, phủ nhận sự tồn tại của tội lỗi, cúi đầu trước ý thức hệ LGBT thay vì cúi đầu trước mặt Thiên Chúa [19]. Từ đó Hồng Y Müller cho đây là một dự án bị thất bại, giáo hội đang bị chia rẽ hơn bao giờ hết và kêu gọi rút lại tuyên ngôn Fiducia supplicans [20]. Điểm mơ hồ ở đây là tuyên ngôn Fiducia supplicans đã dùng từ “*couple*” được hiểu là cặp đôi, mà trong tuyên ngôn lại mang ý nghĩa chức lãnh cho từng cá nhân của cặp đó, mà không phải là chức lãnh cho mối quan hệ đó. Từ đó làm cho người tín đồ khó phân biệt được thông qua việc chức lãnh đó, hình thức thì chức lãnh cho một cặp, mang ý nghĩa lại là từng cá nhân. Bên cạnh đó tuyên ngôn Fiducia supplicans không hề nhắc đến giáo lý tính dục của Công giáo đó là tội lỗi về hành vi đồng giới, mà chỉ cố gắng bàn đến sự đón nhận và thương xót dành cho người đồng tính. Dẫn đến cho rằng Bộ giáo lý đức tin đã tránh né lên án hành vi tình dục. Một câu hỏi đặt ra, là nếu chức lãnh cho cá nhân thì không cần thiết ra tuyên ngôn này, bởi lẽ người đồng tính trong Công giáo vẫn được lãnh nhận các phước lành. Đây là lý do chính yếu cho việc chống lại tuyên ngôn Fiducia supplicans, và cho rằng Bộ giáo lý đức tin nhằm ẩn ý chấp nhận kết hợp hôn nhân đồng tính.

Đứng trước làn sóng phản kháng dữ dội Bộ giáo lý đức tin đã đưa ra thông cáo khẳng định đây không phải là một bí tích hôn nhân như các cặp dị tính (nam - nữ). Mà đây là chức lãnh mục vụ - nghĩa là không phải một nghi lễ và không mang tính thánh thiêng như bí tích. Cũng như hướng dẫn về cách thức thực hiện, và không cho *thấm quyền giáo hội không được ấn định về mặt nghi lễ, để không tạo ra sự nhầm lẫn với lời chúc lành đặc thù của Bí tích Hôn phối*” [21]. Giáo hoàng Phanxico cũng lên tiếng bảo vệ tuyên ngôn này, giáo hoàng cho rằng đây một sự tỏ bày gần gũi đối với những người bên lề của giáo hội, xã hội. Giáo hoàng Phanxico cũng cho rằng đây là chức lãnh cho con người chứ không phải chức lãnh cho mối quan hệ tính dục đồng tính của họ. Bên cạnh đó tuyên ngôn này đặc biệt chú ý đến bối cảnh lịch sử, văn hoá, chính trị của từng giáo hội địa phương. Giáo hoàng giao toàn quyền cho giáo hội địa phương phân định để thực hiện một cách phù hợp. Minh chứng là tại châu Phi, Hồng y Fridolin Ambongo - Chủ tịch các Hội đồng Giám mục châu Phi, Tổng Giám mục Giáo phận Kinshasa đã ký văn kiện từ chối chức lãnh cho các cặp đồng tính ở châu Phi, và được Giáo hoàng Phanxico chấp nhận bởi yếu tố văn hóa [22]. Có thể nói tuyên ngôn Fiducia không phải mà một tín điều nên các giám mục, linh mục tại các giáo hội địa phương có quyền thực hiện hoặc không thực hiện.

Điều quan trọng hiện tại trong giáo hội Công giáo đã và đang đầy chia rẽ, mập mờ không có lời dạy rõ ràng về hôn nhân đồng tính. Nó thể hiện nét đặc trưng về lối quản trị giáo hội qua các triều đại giáo hoàng. Đến hiện tại Giáo hoàng Phanxico muốn tất cả các thành phần của giáo hội phải có lối sống hiệp hành, phân định để giáo huấn của giáo hội ứng dụng thiết thực nhất với bối cảnh lịch sử, văn hoá, chính trị của từng giáo hội địa phương. Chứ không tập trung vào những giáo hội lớn, vốn dĩ khác nhau về lịch sử, văn hoá, và chính trị.

Tuy nhiên dù đa dạng nhưng vẫn hiệp nhất với giáo huấn của giáo hội về hôn nhân. Đó là xem hôn nhân là bí tích, là sự kết hợp giữa một người nam và một người nữ, có sự kết nối giữa thân thiêng và con người. Bộ giáo luật Hội thánh Công giáo điều 1059 nói rõ: “*Hôn nhân của những người Công giáo bị chi phối không chỉ luật Thiên Chúa mà còn luật của Giáo hội Công giáo nữa*” [13]. Đương nhiên hôn nhân đồng tính không được giáo hội Công giáo công nhận là một bí tích hôn nhân.

Người đồng tính Công giáo với vai trò tu sĩ: Với sức ép của xã hội nói chung, đời sống tôn giáo nói riêng, người đồng tính Công giáo đứng giữa sự giằng co với việc chọn lựa lối sống. Đó là khi phải trung thành với giáo huấn của giáo hội Công giáo, giằng co với sự thôi thúc tính dục bên trong. Với sự giằng co đó, có một số người đồng tính Công giáo đã chọn lựa đời sống tu trì để che lấp xu hướng tính dục của mình.

Trên nguyên tắc giáo hội Công giáo sẽ không nhận ứng sinh là người đồng tính, khi người đồng tính này thực hành hành vi đồng tính, người có khuynh hướng đồng tính cách sâu sắc, người cố võ cho một kiểu “*văn hoá đồng tính*”. Đó là bản hướng dẫn của Thánh Bộ Giáo dục Kitô Giáo công bố bản hướng dẫn về việc thẩm định ơn gọi các ứng sinh chủng viện hay ứng viên Chức Thánh liên quan đến những người có khuynh hướng đồng tính [23]. Giáo hội đưa ra các lý do chính yếu để không thu nhận các ứng sinh là người đồng tính. Thứ nhất theo Giáo hội học thì Chúa Giêsu là đầu của hội thánh, mà Chúa Giêsu là một người nam, mà linh mục là hiện thân của Chúa Giêsu phải là một người nam. Thứ hai khi dẫn thân vào đời sống tu trì, họ phải trưởng thành về tâm cảm, như thế khi sống chung với những người nam hay nữ khác trong đời sống tu trì, họ sẽ bị cuốn hút, dẫn đến gây khó khăn trong đời sống.

Nhưng để phân biệt được đâu là người đồng tính và quyền tự do của ứng sinh đồng tính trong quá trình tìm hiểu ơn gọi, những vị hữu trách phải thật sự tinh tế trong việc thu nhận và định hướng. Đây là một vấn đề rất khó khăn dành cho ứng sinh đồng tính cũng như vị hữu trách huấn luyện. Khó khăn của vị hữu trách là việc khó xác nhận được đâu là người đồng tính, bởi lẽ họ vẫn mang trên thân thể mình là những người nam hay nữ bình thường. Việc tiếp theo không thể dựa trên thể hiện giới mà xác định đây là người đồng tính, bởi lẽ lắm khi xu hướng tính dục và thể hiện giới không ăn khớp với nhau. Thế nên nếu trường hợp đã thu nhận ứng sinh vào đời sống tu trì mới phát hiện hoặc chính đương sự công nhận với vị linh

hướng. Trước ngưỡng cửa này, những vị chức trách phải giúp họ nhìn nhận ơn gọi nơi bản thân mình. Còn nếu họ giữ được các lời khấn dành cho tu sỹ thì vẫn phải giúp họ sống đời sống thánh hiến. Khi Giáo hoàng Phaxico được hỏi về các linh mục đồng tính, giáo hoàng trả lời: “Nếu ai đó là người đồng tính và anh ta tìm kiếm Chúa và có thiện chí, thì tôi là ai mà lại dám phán xét?” [24].

Nhìn vào thực tế do thiếu hụt tu sỹ ngày càng chậm trọng, để có duy trì hoạt động của dòng hay triều, khâu sàng lọc ứng viên không quá khắt khe, các ứng sinh đồng tính có thể gia nhập tu sỹ, yêu cầu không công khai mình là người đồng tính và không gây tai tiếng cho giáo hội. Giáo hoàng kêu gọi các tu sỹ đồng tính: “các linh mục đồng tính, và các nam nữ tu sỹ sống luật độc thân một cách toàn vẹn, và trên hết, họ hoàn toàn phải chịu trách nhiệm trong cố gắng không bao giờ được gây ra tai tiếng cả đối với cộng đoàn của họ cũng như đối với dân Thánh Chúa bằng cách sống một cuộc sống hai mặt. Tốt hơn là họ nên rời khỏi chức vụ hay cuộc sống thánh hiến chứ đừng sống một cuộc sống hai mặt như thế” [25]. Bởi đã có những sự việc tai tiếng liên quan đến đồng tính ở một số tu sỹ. Thật vậy năm 2013 linh mục Krzysztof Charamsa đã bị sa thải khỏi Bộ giáo lý đức tin, vì linh mục đã thừa nhận mình là người đồng tính và đã có người yêu với tờ báo Ý Corriere della Sera và báo chí Ba Lan [26]. Tai tiếng của giáo hội Công giáo liên quan đến các lạm dụng tình dục đồng tính diễn ra khắp nơi trên thế giới, cụ thể là trường hợp Hồng y McCarrick đã lạm dụng với trẻ giúp lễ, các chủng sinh và linh mục trẻ dưới quyền” [27].

3.3. Quan điểm của Hồi giáo về người đồng tính

So với Phật giáo và Công giáo, Hồi giáo (Hồi giáo) ra đời muộn hơn, ở vùng Tây Á (Trung Đông), thịnh hành ở Trung Đông, Bắc Phi, một số quốc gia ở Nam Á và Đông Nam Á. Hồi giáo là một tôn giáo độc thần tuyệt đối với hệ thống giáo lý, giáo luật rất chặt chẽ, nghiêm ngặt.

Hồi giáo cho rằng con người do Thượng đế (Allah) tạo dựng nên, con người có bốn phận tôn thờ chỉ một mình Allah. Allah chỉ tạo nên người nam và người nữ, chứ không tạo ra đồng tính, đồng tính là điều cấm kỵ trong Hồi giáo. Hồi giáo cho rằng đồng tính là một điều tội lỗi, dẫn đến những người Hồi giáo đồng tính, phải sống ân núp hoặc chối bỏ chính mình, do sức ép của tôn giáo. Tùy vào mức độ ảnh hưởng của văn hoá, chính trị mà Hồi giáo có thể ảnh hưởng đến đời sống của tín đồ Hồi giáo về đồng tính. Với sự dung hòa của người Việt Nam, mà đời sống của những người đồng tính Hồi giáo cũng khá cởi mở. Cũng sự cởi mở này mà đã bị lên án: “Đối với Cộng đồng Muslim tại Việt Nam ngày nay thì sao? Nó cũng không ngoại lệ, quan hệ đồng tính đang phát triển rất mạnh mẽ trong cộng đồng Muslim chúng ta tại Việt Nam. Những người đồng tính Muslim đang ngày đêm tìm cách lôi cuốn thanh thiếu niên của chúng ta để trở nên giống họ. Không khó để tìm thấy những người Muslim đồng tính tại các ngôi làng Muslim ở An Giang. Hiện nay có một số bậc phụ huynh lại tỏ

ra thờ ơ, không quan tâm đến thực trạng này, mặc dù họ biết rất rõ rằng con em của họ là những người đồng tính. Đau buồn hơn, có một vài phụ huynh lại tỏ ra ủng hộ với con em của mình. Họ cung phụng và chu cấp tiền bạc để con em trai của họ trang điểm, ăn mặc giống như con gái... [28]

Nền tảng cho sự lên án hành vi tình dục đồng tính của Hồi giáo bắt nguồn từ kinh Qur'an. Trong Kinh Qur'an - Kinh thánh của Hồi giáo, Allah đã phán và cảnh báo rất rõ ràng về vấn đề này: “Phải chăng các người đã làm một điều thô bỉ nhất mà không một người nào trong thiên hạ đã làm như các người? Và các người đã làm tình với đàn ông thay vì phụ nữ. Không các người là một đám người vượt quá mức giới hạn” [28]; “Phải chăng trong vũ trụ, duy chỉ các người là những kẻ đã đến (làm tình) với đàn ông; Và bỏ rơi những người mà Allah đã tạo cho các người để làm vợ? Không, các người là những kẻ đã làm điều thái quá” [28]. Trong một văn bản khác, lời Thiên sứ đã nói như sau: “Có bốn loại người thức giấc dưới sự giận dữ của Allah và đi ngủ với sự không hài lòng của Allah, trong đó có những người đàn ông quan hệ tình dục với nhau” [28].

Hồi giáo cho rằng hành vi tình dục của người đồng tính là trái với tự nhiên, đi ngược lại với ý muốn của đấng tạo hoá, Shiekh Al Hồi giáo Ibnu Taimiyah giải thích: "Sự thiên nhiên mà Allah tạo ra trên thế gian này đều có giống cái và giống đực, hai giống đó pha trộn với nhau để có nòi giống để tồn tại trên thế gian này. Trở về lịch sử, thì Allah đã tạo ra tổ tiên của nhân loại là Nabi Adam (A) sống cô đơn trong thiên đàng, nhưng sau đó Allah mới tạo ra Bà Eva và sau này trở thành vợ của Nabi Adam (A), hai người sống chung với nhau cho đến khi hạ trần mới có con cái và từ đó mới có chúng ta đến ngày hôm nay... Thí dụ như một dòng điện mà chúng ta đang sử dụng ngày hôm nay, nếu chúng ta cho hai dòng điện dương (+) và (-) đi qua một bóng đèn thì đèn sẽ cháy sáng, ngược lại chúng ta cho hai dòng điện (+) + (+) hay (-) + (-) vào bóng đèn thì chuyện gì sẽ xảy ra? Vậy, đối với con người cũng thế, nếu hai tính trùng của giống đực (+) và giống cái (-) hòa hợp với nhau thì sẽ có bào thai, nhưng nếu âm đụng âm hay dương đụng dương thì sẽ có nhiều bệnh tật nan y không thể cứu chữa mà chúng ta đã thấy ngày hôm nay, đó là vì con người đã chống lại thiên nhiên của Đấng Tạo Hóa” [29].

Như thế thấy được rằng việc công nhận sự hiện diện của người đồng tính trong Hồi giáo đã bị cấm đoán, thì hưởng chi là việc công nhận hôn nhân đồng tính của họ đều bị phủ nhận và lên án.

Việc tu sỹ là người đồng tính cũng không thể hiện diện trong Hồi giáo. Bởi lẽ chức sắc của Hồi giáo có những khác biệt so với chức sắc các tôn giáo khác, họ là những người có gia đình, họ cũng chỉ là những vị đại diện cho cộng đồng Hồi giáo ở những khu vực nhất định. Khác với Công giáo và Phật giáo người tu sỹ chọn đời sống độc thân diệt dục, để chu toàn một cách trọn vẹn cho tôn giáo. Bởi nên Hồi giáo không có một quy định nào nói về trường hợp người chức sắc Hồi giáo đồng tính.

3.4. Thần quyền và thế quyền trong đời sống xã hội của người đồng tính

Sau khi phân tích căn nguyên dẫn đến sự khác biệt quan điểm giữa các tôn giáo về người đồng tính, xuất phát từ giáo lý, kinh điển và bối cảnh lịch sử, văn hóa đặc thù. Có những nét tương đồng và khác biệt như sau:

Công giáo và Phật giáo đều nhìn nhận người đồng tính là một con người. Công giáo xem người đồng tính có tính nhân vị, mang hình ảnh Thiên Chúa, có quyền được nên thánh trong ơn gọi của mình. Phật giáo cũng cho rằng người đồng tính cũng có biệt nghiệp riêng như người dị tính, vẫn bình đẳng về các mặt trong đó bình đẳng về sinh học, có Phật tính để thành Phật như người dị tính. Hồi giáo khác ở chỗ không công nhận sự hiện diện của đồng tính, cho rằng đó là tội lỗi, cho rằng Thiên Chúa chỉ tạo dựng người nam và người nữ, không tạo nên đồng tính.

Lập trường về hành vi đồng tính và hôn nhân đồng tính thì giữa Công giáo và Hồi giáo có sự tương đồng khi cả hai tôn giáo đều nghiêm cấm hành vi tình dục đồng giới giữa hai người cùng giới tính. Nhưng do Công giáo hoà hợp được giữa Thánh Kinh, Thánh truyền và Huấn quyền, thế nên kết hợp đồng tính trong Công giáo không đến mức quá khích như Hồi giáo, vẫn có những sự chấp nhận âm thầm, vào có những cử chỉ thông cảm. Còn đối với Phật giáo khác ở chỗ, do không xem đồng tính là một vấn đề của đạo đức. Thế nên xem hành vi tình dục và hôn nhân đồng tính là chuyện bình thường, không lên án cũng không cổ vũ, chỉ yêu cầu người tín đồ giữ luật tà dâm trong đời sống tôn giáo. Giao quyền hoàn toàn cho xã hội, pháp luật sở tại quyết định công nhận hoặc không công nhận hôn nhân đồng tính.

Vấn đề tu sỹ là người đồng tính nét tương đồng của Công giáo và Phật giáo là giống nhau, đều không cho phép người đồng tính tham gia vào đời sống tu sỹ. Nhưng cũng vì một số vấn đề giải thích khác nhau về xu hướng tính dục nơi người đồng tính, mà Công giáo lẫn Phật giáo đều có thể nhận người đồng tính vào đời sống tu trì, với một điểm chung người đồng tính không được công khai mình là người đồng tính. Riêng với Hồi giáo thì chức sắc không thể là người đồng tính, bởi lẽ họ là những người có gia đình, cũng như người đồng tính không thể hiện diện trong Hồi giáo.

Nhìn chung, những nét tương đồng và khác biệt về người đồng tính trong tôn giáo, bởi do chính ý thức hệ tôn giáo hay được nền tảng triết học và thần học trong tôn giáo đã tạo nên sự khác biệt. Có thể nói lý do chính nhất là nét đặc trưng giữ tôn giáo hữu thần hoặc độc thần do mạc khải, ý định của Thượng đế truyền tải cho con người mà đại diện là Công giáo và Hồi giáo với tôn giáo không nhìn nhận thượng đế, mà chỉ dựa vào nhân quả, nhân duyên, luân hồi, đại diện đó là Phật giáo. Chính nét đặc trưng này mà khi vận dụng vào đời sống xã hội, có những thuận lợi và khó khăn khác nhau.

Ngày nay, thế quyền (quyền lực xã hội, pháp luật) và thần quyền (quyền lực tôn giáo) được xem là một bàn cân về các quyền lợi và trách nhiệm của người đồng tính. Thế quyền ra sức bảo vệ nhân quyền của người đồng tính, lượng giá mức độ ảnh hưởng xã hội để cân bằng quyền lợi dành cho người đồng tính. Thần quyền nhất là Công giáo và Hồi giáo cũng ra sức bảo vệ mạc khải của thượng đế về tính dục con người nói chung, hôn nhân nói riêng, trách các thế lực của thế quyền can thiệp quá sâu vào đời sống tôn giáo. Có thể nói tuy vào mức độ ảnh hưởng qua lại của thế quyền và thần quyền mà bức tranh toàn cảnh về các quyền lợi, trách nhiệm, cũng như các điều cấm đoán của người đồng tính trong đời sống xã hội khác nhau, thể hiện sự phong phú đa dạng nhiều màu sắc.

Nhìn chung, lập trường của các quốc gia trên thế giới đối với người đồng tính và hôn nhân đồng tính, có thể chia thành ba trạng thái: *Thứ nhất* là trạng thái công nhận, tập trung ở các nước châu Âu, châu Mỹ, châu Úc (riêng Nam Phi là nước duy nhất ở châu Phi công nhận hôn nhân đồng tính). *Thứ hai* là cấm đoán, lên án, tập trung ở đa số các nước châu Phi và châu Á, nhất là các nước theo Hồi giáo ở Trung Đông. *Cuối cùng* là trạng thái trung lập - không ủng hộ cũng không công nhận hết các quyền của người đồng tính - tập trung ở một số nước châu Á, châu Mỹ, châu Âu.

Trước tiên, ở các nước công nhận hôn nhân đồng tính: các nước châu Âu, châu Mỹ, vấn đề nhân quyền được đề cao, thể hiện qua Công ước châu Âu về Nhân quyền. cùng với đó là phong trào tranh đấu cho quyền con người, quyền tự do chọn lựa của con người phải được tôn trọng. Thế nên việc hợp thức hóa hôn nhân đồng tính diễn ra nhanh chóng. Hơn nữa, ở các nước này, việc lập pháp và hành pháp của chính phủ ít chịu tác động của tôn giáo. Bởi lẽ, ở các nước này, dù Kitô giáo có ảnh hưởng rộng lớn, nhưng thế quyền và thần quyền từ lâu đã không còn ảnh hưởng nhau nhiều. Mặt khác, đời sống đức tin của tín đồ tại các nước này đã ít nhiều bị "thế tục hóa". Tính đến hết năm 2024, hôn nhân đồng tính đã được hợp pháp hóa và công nhận ở 36 quốc gia, trong đó, tiên phong là Hà Lan (2001), và gần đây nhất là Hy Lạp (2024). Ngược lại, 35 quốc gia (tính đến năm 2023) có định nghĩa về hôn nhân trong hiến pháp của họ ngăn cản hôn nhân giữa các cặp cùng giới, hầu hết được ban hành trong những thập kỷ gần đây như một biện pháp phòng ngừa. Một số quốc gia khác đã quy định luật Hồi giáo theo hiến pháp, thường được hiểu là cấm kết hôn giữa các cặp đồng tính. Trong đó, có những quốc gia áp dụng án tử hình đối với người quan hệ tình dục đồng tính như: Ả Rập Xê Út, Afghanistan, Indonesia, Sudan, Iran, Nigeria, Yemen, Mauritanie và Brunei [30].

Tiếp theo, ở các nước lên án, cấm đoán, sát phạt người đồng tính: Ở nhiều nước vùng Tây Á, châu Phi, giáo lý, giáo luật Hồi giáo đã ăn sâu vào đời sống xã hội, đến mức không thể tách biệt ra được. Ở đó, thần quyền có vai trò to lớn trong nền chính trị và xã hội. Có những nước xem luật Hồi giáo là "tôn giáo pháp" như: Afghanistan, Pakistan, Kuwait, Bahrain, Qatar, Ả Rập Xê Út... Từ đó, có thể thấy rằng, bối cảnh văn hóa - xã hội ở châu Á, châu Phi và các nước theo Hồi giáo bị ảnh hưởng tôn giáo nhiều hơn so với ở các châu Âu, châu Mỹ, châu Úc.

Cuối cùng, ở những nước có quan điểm trung lập: Là một số quốc gia châu Âu, ví dụ Ý cho phép kết hợp dân sự đối với các cặp đồng tính (năm 2016) để được bảo vệ về kinh tế, tài sản, an sinh xã hội, nhưng không được định nghĩa là hôn nhân. Bởi Tòa thánh Vatican nằm trong lòng nước Ý, cũng ảnh hưởng ít nhiều. Liên bang Nga dù không quá khắt khe với những người đồng tính, nhưng cho đến nay vẫn chưa công nhận hôn nhân đồng tính bởi Chính Thống giáo (một nhánh của Kitô giáo) ảnh hưởng rất lớn trong xã hội Nga. Nếu như châu Âu có đa số quốc gia công nhận, châu Phi có đa số quốc gia chống đối, thì châu Á gồm nhiều nước có quan điểm trung lập về người đồng tính và hôn nhân đồng tính. Đa số các quốc gia ở Đông Á và Nam Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Thái Lan... không lên án người đồng tính, nhưng cũng không công nhận hôn nhân đồng tính.

Việt Nam là một điển hình cho quan điểm trung lập khi không cấm đoán người đồng tính, nhưng cũng không công nhận hôn nhân đồng tính. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính (Khoản 5, Điều 10). Nhưng đến Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã bỏ quy định “*cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính*” thay bằng “*Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính*” (Khoản 2, Điều 8). Điều đó có nghĩa là, Nhà nước không còn cấm những người có cùng giới tính kết hôn mà chỉ “*không thừa nhận*” mối quan hệ hôn nhân này. Đồng nghĩa, những người đồng tính có thể tổ chức đám cưới, sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không được thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quan điểm dung hòa này của Việt Nam một phần xuất phát từ tính khoan dung trong văn hóa của người Việt; đó là sự dung hòa giữa tôn giáo - văn hóa - dân tộc, tất cả đều trên tinh thần “tốt đời đẹp đạo”.

Nhìn chung, tùy vào mức độ ảnh hưởng qua lại giữa thế quyền và thần quyền mà đất nước hay khu vực nào đó công nhận, hay lên án, hoặc công nhận ở mức nào đối với các quyền của người đồng tính. Sự ảnh hưởng của thế quyền và thần quyền xen lẫn với nhau, tạo nên một bức tranh đa dạng màu sắc về quan điểm và ứng xử với người đồng tính trong đời sống xã hội.

4. Kiến nghị và bàn luận

4.1. Kiến nghị

Đồng tính đã tồn tại cùng với lịch sử phát triển của loài người, các giá trị và lợi ích của loài người có bàn tay đóng góp của người đồng tính. Nhờ sự phát triển của khoa học, mà hình ảnh người đồng tính được rõ ràng hơn ở các khía cạnh khác nhau. Nhờ vậy mà các tôn giáo có cái nhìn cởi mở hơn, nhờ khoa học mà sự giải thích về người đồng tính ở góc độ tôn giáo được rõ ràng hơn. Chẳng hạn Công giáo đã thừa nhận những người đồng tính thâm căn là rối loạn khách quan. Từ đó Công giáo đã có những hành động cụ thể về mọi mục vụ dành cho người đồng tính, dù có những phản đối nhất định. Hội giáo tuy có quá khích ở một số nước, nhưng không phải toàn bộ Hội

giáo đều quá khích như thế, tại Việt Nam cũng đã cân bằng đón nhận người đồng tính dù “*âm thầm*”. Môi trường Phật giáo được xem là môi trường dễ sống cho người đồng tính, bởi giáo lý từ bi, uyển chuyển dung hoà với từng môi trường văn hoá. Từ những lập luận trên, có ba đề nghị cụ thể như sau:

Thứ nhất, trải qua thời gian khá dài đến hiện tại, người đồng tính mới được công nhận là một con người bình thường bằng cả pháp lý và xã hội, các quyền lợi và trách nhiệm dành cho người đồng tính được hợp thức hoá, trong đó là quyền yêu và được yêu của người đồng tính, thông qua việc hợp thức hoá hôn nhân. Trách nhiệm của pháp luật sở tại, làm sao dung hoà được các xung đột ý thức hệ. Thế nên việc ra luật dành cho người đồng tính là rất cần thiết, để tránh các sự việc bất công dành cho người đồng tính, khi có những thành phần tự cho mình có quyền trên người đồng tính. Cũng như giúp người đồng tính nhận diện rõ trách nhiệm của mình trong đời sống xã hội.

Thứ hai, giáo lý, giáo luật, mục vụ, lễ nghi trong tôn giáo đều do con người lý giải và biên soạn, cho dù là tôn giáo mạc khải đi chăng nữa, thì việc nhìn nhận các dấu chỉ của thời đại là việc cần thiết nhất. Từ các dấu chỉ này, mà tôn giáo phải nhìn nhận lại các giáo lý, giáo luật, mục vụ, lễ nghi tôn giáo của mình còn phù hợp với thời đại hay không. Nó có thể là kim chỉ nam để xã hội nhìn lại hoặc nó có thể là bức tường ngăn cách sự phát triển hay nhìn nhận đúng về con người. Các tôn giáo nên cởi mở đối thoại với xã hội nói chung, người đồng tính nói riêng để nhìn nhận một cách chính xác nhất có thể.

Thứ ba, người đồng tính phải thành thật với lương tâm của chính mình, không tự kỳ thị chính mình, đây là một hành động tội tệ nhất và nó còn hơn cả sự kỳ thị của tôn giáo hay xã hội. Vì chỉ mình mới thật sự hiểu mình là ai, nhu cầu gì, cần làm gì để khẳng định mình và đối thoại với tôn giáo và xã hội. Có thể nói giống như người dị tính, người đồng tính trước tiên phải là người có ích cho gia đình, tôn giáo và xã hội. Tiếp theo, khẳng định với mọi người người đồng tính đầy đủ khả năng để làm việc và học tập. Cuối cùng là lên tiếng đấu tranh cho quyền lợi cho chính bản thân, cộng đồng người đồng tính dưới chân ngôn hoà bình, đối thoại, chia sẻ.

4.2. Bàn luận

Bài viết đã phân tích, lý giải căn nguyên dẫn đến các khác biệt của tôn giáo về người đồng tính. Minh chứng do sự khác biệt ý thức hệ tôn giáo ở mỗi tôn giáo có tính đặc trưng độc thần thông qua mạc khải, với tôn giáo không tin có thượng đế mà chỉ tin vào nghiệp báo nhân duyên. Bên cạnh đó khái lược sơ bộ khi vận dụng ý thức hệ từng tôn giáo vận hành vào đời sống và xã hội để thấy thực trạng và tác động thực tế của các quan điểm tôn giáo đến đời sống cộng đồng LGBT trong từng bối cảnh tôn giáo. Bài viết cũng đã chia ra tình trạng đồng ý, trung lập và lên án về các quyền lợi của người đồng tính. Cho thấy rằng, ở mỗi đất nước sẽ có cái nhìn khác nhau về người đồng tính, khi thế quyền và thần quyền trở thành bàn cân, để thấy được sự đa dạng phong phú, phức tạp về người đồng tính.

Hạn chế của bài viết: do chọn 3 tôn giáo lớn với phạm vi rộng, do đó tính thực tiễn còn hạn chế ở việc ý thức hệ tôn giáo với pháp luật sở tại ở các nước theo tình trạng đồng ý, trung lập và lên án. Bên cạnh đó không có số liệu và phỏng vấn sâu người đồng tính ở các tôn giáo, cũng như các vị chức sắc.

5. Kết luận

Người đồng tính không chỉ tồn tại ở môi trường xã hội, mà còn cả trong môi trường tôn giáo, nơi mà tường chừng không thể hiện diện. Chính ý thức hệ đã quyết định sự nhìn nhận và ứng xử của các tôn giáo về người đồng tính. Căn nguyên quan điểm của các tôn giáo đã hình thành nên cách nhìn nhận giống và khác nhau về người đồng tính. Căn nguyên giáo lý nhà Phật cho rằng, đồng tính chỉ là biệt nghiệp ở mỗi con người (nam, hay nữ hoặc đồng tính đều có biệt nghiệp cá thể). Mọi người đều bình đẳng với nhau, nhất là đều có Phật tính. Công giáo nhìn nhận người đồng tính là con cái của Thiên Chúa, là một nhân vị phải được tôn trọng một cách tuyệt đối, người đồng tính cũng là thành phần trong Giáo hội. Công giáo mời gọi người đồng tính sống độc thân khiết tịnh, coi đó như một “ơn gọi” để nên thánh hằng ngày. Còn đối với Hồi giáo, người đồng tính không được thừa nhận, thậm chí bị lên án và có thể đối mặt với hình phạt hà khắc. Bởi theo ban đầu người Hồi giáo quan niệm Allah chỉ tạo dựng nên người nam và người nữ, chứ không tạo nên người đồng tính.

Tình dục đồng tính nói chung và hôn nhân đồng tính nói riêng cũng có những điểm tương đồng và khác biệt. Phật giáo không xem đồng tính là một vấn đề đạo đức, không xem việc sinh sản, hôn nhân mang tính thiêng liêng, tôn giáo. Thế nên Phật giáo xem tình dục và hôn nhân đồng tính là bình thường như dị tính, yêu cầu người tín đồ giữ luật tà dâm, đó là không có mối quan hệ nào khác ngoài mối quan hệ được pháp luật cho phép, hoặc khế ước xã hội chấp nhận. Như vậy Phật giáo hội nhập hoàn toàn vào xã hội và pháp luật sở tại. Khác với Công giáo hành vi tình dục nói chung, hôn nhân nói riêng là thiêng liêng, hôn nhân trở thành Bí tích hôn nhân. Với đặc tính hôn nhân một vợ một chồng, bất khả phân ly của sự kết hợp một nam với một nữ, để mục đích của hôn nhân trở thành cộng tác với Thiên Chúa trong việc sinh sản và giáo dục con cái. Thế nên Công giáo lên án hành vi tình dục đồng tính, cũng như không chấp nhận hôn nhân đồng tính. Bởi lẽ không đáp ứng được mục đích và đặc tính hôn nhân Công giáo. Hồi giáo cũng tương tự như Công giáo cũng không chấp nhận tình dục và hôn nhân đồng tính, bởi yếu tố không tự nhiên, không sinh sản. Nền tảng của việc lên án này phát xuất từ kinh Qur'an, bị thượng đế Allah nguyên rủa và không chúc phúc.

Với sức ép của gia đình, xã hội và ngay bản thân người đồng tính sống trong môi trường tôn giáo, ít nhiều cũng đối diện với sự kỳ thị lên án. Nhằm che lấp xu hướng tính dục, người tín đồ đã gia nhập tu sỹ. Điểm tương đồng giữa Phật giáo và Công giáo đều không nhận người đồng tính gia nhập hàng tu sỹ bởi yếu tố có nền tảng từ kinh điển của hai tôn giáo.

Với sự phát triển của khoa học, mà người đồng tính càng được hiểu sâu rộng, khác với quan niệm thời kinh điển. Thế nên tuy vào trường hợp mà các vị hữu trách đào tạo có thể nhận người đồng tính vào hay không.

Với sự phát triển của khoa học, nhân quyền của con người ngày càng được đề ý hơn, ở các lĩnh vực trong đời sống xã hội, trong đó có tôn giáo. Từ đó xung đột ý thức hệ nói chung, các tranh đấu quyền lợi diễn ra từ bên trong đến bên ngoài tôn giáo. Với đặc tính của Phật giáo, do dựa vào luật tà dâm trong sự ưng thuận của pháp luật hoặc khế ước xã hội sở tại, thế nên xung đột về quyền lợi ở tình dục và hôn nhân đồng tính diễn ra nhিপ nhàng tránh được sự xung đột. Đối với Công giáo được xem trong tiến trình đấu tranh ý thức hệ về luân lý tình dục nói chung, hôn nhân nói riêng giữa phe bảo thủ và cấp tiến. Trải qua các triều đại giáo hoàng, nhìn chung Công giáo vẫn giữ lập trường về tình dục, vẫn bảo vệ người tính, nhưng lên án hành vi tình dục đồng tính. Nhưng ở mỗi triều đại giáo hoàng mà có những lập luận mang tính chất khác nhau. Các triều đại trước triều đại của Giáo hoàng Phanxico thì mang tính độc tài và nguyên tắc hơn. Riêng triều đại Giáo hoàng Phanxico do muốn cải tổ một giáo hội nguyên tắc, già nua, đã đối thoại cởi mở, thương lượng để giữa vững lập trường lâu đời của giáo hội, cũng như không gây khó chịu cho những tiếng nói trái chiều. Tuyên ngôn “Fiducia supplicans” là một minh chứng cho sự đối thoại, phân định và thương lượng. Cuối cùng là Hồi giáo vốn dĩ đã không đón nhận người đồng tính trong cộng đồng, thì tình dục và hôn nhân đồng tính bị lên án kịch liệt là điều không quá ngạc nhiên. Nhưng do đặc trưng văn hoá, pháp luật sở tại mà ngày nay các cộng đồng Hồi giáo đối xử cũng khác nhau. Điển hình tại Việt Nam đã có những cộng đồng bảo vệ người đồng tính.

Thế quyền và thần quyền được xem là vấn đề bên ngoài tôn giáo phải đối diện và thương lượng. Ba tình trạng: ủng hộ, trung lập, và kết án thể hiện rõ bối cảnh hiện tại giữa thế quyền và thần quyền. Tuy ở các nước ủng hộ tập trung ở châu Âu, châu Mỹ, nơi nhân quyền được thực hiện một cách triệt để, nhưng cũng có một số nước chưa thể hợp thức hoá toàn bộ quyền lợi của người đồng tính, do yếu tố tôn giáo, chẳng hạn như ở Ý hay Liên bang Nga. Các nước trung lập thì cân bằng giữa thế quyền và thần quyền về quyền lợi của người đồng tính, trong đó Việt Nam là điển hình.

Có thể nói Antonio Gramsci đã nói đúng về bá quyền văn hoá, tôn giáo khi giành quyền lý giải về đồng tính, dựa trên các nền tảng kinh điển, để có giáo lý, giáo luật nhìn nhận người đồng tính ở các góc độ. Tiến trình thương lượng với người đồng tính diễn ra trong môi trường văn hoá, xã hội, chính trị diễn ra phức tạp, phong phú, đa dạng. Để từ đó tiến trình giải thích về người đồng tính nói chung, các quyền lợi nói riêng được chuẩn xác hơn, phù hợp với thời đại khi dựa vào sự phát triển khoa học, như một lăng kính tham chiếu với các chuẩn mực của tôn giáo. Để rồi làm cho người tín đồ chấp nhận các giáo lý mà tôn giáo giải thích về đồng tính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] C.D. Canh (2023), “Regarding different concepts of “homosexuality” and types of homosexuality, see also: “Discourse on homosexuals in contemporary Vietnamese society””, *Journal of Cultural Studies*, **1(43)**, pp.71-74 (in Vietnamese).
- [2] H.P. Tuan (2019), “Antonio Gramsci’s concept of hegemony and mass in culture and literature”, *Military Arts*, http://vannghequandoi.com.vn/binh-luan-van-nghe/phe-binh-van-nghe/quan-niem-cua-antonio-gramsci-ve-ba-quyen-va-dai-chung-trong-van-hoa-van-hoc_10037.html, accessed 11 November 2019 (in Vietnamese).
- [3] D. Keown (2010), “Buddhist perspectives on marriage and homosexuality”, *Lotus Library*, <https://thuvienhoasen.org/a5217/quan-diem-cua-phat-giao-ve-tinh-duc-hon-nhan-va-dong-tinh-damien-keown-gia-quoc-dich>, accessed 17 September 2020 (in Vietnamese).
- [4] T.D. Kien (2021), “Homosexuality from a Buddhist perspective”, *Journal of Buddhist Studies*, <https://tapchinguoi-phat-hoc.vn/dong-tinh-luyen-ai-duoi-goc-nhin-phat-giao.html>, accessed 22 September 2022 (in Vietnamese).
- [5] T.T. Hoang (2020), “Buddhist perspective on homosexuality”, *Lotus Library*, <https://thuvienhoasen.org/a34095/quan-diem-phat-giao-ve-dong-tinh>, accessed 6 June 2022 (in Vietnamese).
- [6] H. Tru (2021), *Learn Catholic Vocabulary*, Religion Publishing House, 122pp (in Vietnamese).
- [7] Catholic Bishops’ Conference of Vietnam (2007a), *Summary of Social Doctrine of the Catholic Church*, Religion Publishing House, 148pp (in Vietnamese).
- [8] Catholic Bishops’ Conference of Vietnam (2019), *Catechism of the Catholic Church*, Religion Publishing House, 169pp (in Vietnamese).
- [9] Francis (2021), *Apostolic Exhortation Amoris Laetitia - The Joy of Love*, Religious Publishing House, 124pp (in Vietnamese).
- [10] H. Tien (2020), “Pope Francis supports civil marriage between homosexuals”, *Redemptorist Province of Vietnam*, <https://dctvn.org/ban-ghi-cho-thay-duc-giao-hoang-phan-biet-ro-giua-hon-nhan-dong-tinh-voi-ket-hop-dan-su/>, accessed 30 October 2022 (in Vietnamese).
- [11] Catholic Bishops’ Conference of Vietnam (2012), *Second Vatican Council*, Religion Publishing House, 132pp (in Vietnamese).
- [12] H. D. Toan (2021), “Homosexuality and same-sex marriage: The perspective of the Catholic Church”, *Vietnam Bishops’ Conference*, <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/dong-tinh-hon-nhan-dong-spiritual-diem-cua-hoi-cong-delivery-41869>, accessed 5 May 2022 (in Vietnamese).
- [13] Catholic Bishops’ Conference of Vietnam (2007b), *Code of Canon Law*, Religion Publishing House, 75pp (in Vietnamese).
- [14] Congregation for the Doctrine of the Faith (1986), “Letter to the Bishops of the Catholic Church on the pastoral care of homosexuals”, *Vietnam Bishops’ Conference*, <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/thu-gui-cac-giam-muc-giao-hoi-cong-giao-ve-cham-soc-muc-vu-cho-cac-nguoi-dong-tinh-luyen-ai-17760>, accessed 22 January 2011 (in Vietnamese).
- [15] T. Mien (2017), “Vatican replaces the Minister of the Congregation for the Doctrine of the Faith”, *Thanh Nien Newspaper*, <https://thanhvien.vn/vatican-thay-tong-truong-thanh-bo-quang-ly-duc-tin-185676634.htm>, accessed 2 July 2022 (in Vietnamese).
- [16] Vatican News (2023), “Pope appoints Archbishop Fernández as Prefect of the Congregation for the Doctrine of the Faith”, *Vaticannews*, <https://www.vaticannews.va/vi/pope/news/2023-07/dtc-bo-nhiem-tgm-fernandez-tong-truong-bo-gia-ly-duc-tin.html>, accessed 3 December 2023 (in Vietnamese).
- [17] Congregation for the Doctrine of the Faith (2023), “Full text of Fiducia supplicans Declaration on the pastoral meaning of blessings”, *Saigon Archdiocese*, <https://tgpsaigon.net/bai-viet/toan-van-tuyen-ngon-fiducia-supplicans-ve-y-nghia-muc-vu-cua-cac-loi-chuc-lanh-72119>, accessed 22 January 2024 (in Vietnamese).
- [18] N.T. Lam (2024), “Same-sex couples, neo-colonialism of the Western Church”, *Francis*, <https://phanxico.vn/2024/02/04/cac-cap-dong-tinh-chu-nghia-thuc-dan-new-cua-gia-hoi-phuong-tay/>, accessed 6 February 2024 (in Vietnamese).
- [19] Vatican News (2024a), “Cardinal Müller: The more you try to explain the Fiducia Supplicans Declaration the more confusion and division you create”, *Vatican News*, <http://vietcatholicnews.org/News/Html/288548.htm>, accessed 17 February 2024 (in Vietnamese).
- [20] Vatican News (2024b), “Cardinal Müller calls for the withdrawal of the Fiducia Supplicans Declaration”, *Vatican News*, <http://vietcatholic.org/News/Html/288307.htm>, accessed 3 February 2024 (in Vietnamese).
- [21] Vatican News (2024c), “Fiducia supplicans: Communiqué of the Congregation for the Doctrine of the Faith”, *Vietnam Bishops’ Conference*, <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/fiducia-supplcaans-thong-cao-cua-bo-quang-ly-duc-tin-54257>, accessed 5 January 2024 (in Vietnamese).
- [22] Vatican News (2024d), “Pope Francis: Bless people, not sin”, *Saigon Archdiocese*, <https://tgpsaigon.net/bai-viet/duc-thanh-cha-phanxico-chuc-lanh-cho-con-nguoi-chu-chuc-lanh-cho-toi-loi-72141>, accessed 15 January 2024 (in Vietnamese).
- [23] Congregation for Catholic Education (2005), “Directive on criteria for determining the vocation of persons with homosexual tendencies in admission to seminary and holy orders”, *Saigon Archdiocese*, <https://tgpsaigon.net/bai-viet/nhan-dinh-on-goi-doi-voi-cac-people-co-recommended-huong-dong-tinh-luyen-ai-40923>, accessed 27 January 2011 (in Vietnamese).
- [24] M. Tue (2023), “Pope Francis is the global Pastor”, *Vietnam Redemptorist Province*, <https://dctvn.org/duc-thanh-cha-phanxico-la-vi-muc-tu-hoan-cau/>, accessed 15 February 2023 (in Vietnamese).
- [25] P. Lechner (2021), “Discerning the vocation of people with homosexual tendencies”, *Vietnam Bishops’ Conference*, <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/viec-phan-dinh-on-goi-cua-people-co-xual-huong-dong-tinh-luyen-ai-41655>, accessed 25 March 2021 (in Vietnamese).
- [26] N. Dang (2015), “Vatican City fires gay priests”, *Thanh Nien Newspaper*, <https://thanhvien.vn/toa-thanh-vatican-sa-thai-linh-muc-dong-tinh-185506615.htm>, accessed 4 October 2015 (in Vietnamese).
- [27] T.M. Huy (2019), *Priests and Monks Live Emotionally and sexually Maturely in The Context of Today’s Church and Society*, Hong Duc Publishing House, 160pp (in Vietnamese).
- [28] R. Man, “Homosexuality - from the perspective of Islam, Christianity, Buddhism”, *Chanlyislam*, <http://chanlyislam.net/home/dong-tinh-luyen-ai-theo-quan-diem-cua-islam-thien-chua-giao-phat-giao-833/>, accessed 5 May 2020 (in Vietnamese).
- [29] A. Harith (2008), “Homosexual relations”, *Chanlyislam*, <http://chanlyislam.net/quan-he-dong-tinh-luyen-ai-297>, accessed 19 October 2020 (in Vietnamese).
- [30] C. Thien (2019), “8 other countries with death penalty laws for homosexuals besides Brunei”, *One World Magazine*, <https://lthegioi.vn/8-quoc-gia-khac-co-luat-tu-hinh-nguoi-dong-tinh-ben-canb-brunei-52563.html>, accessed 4 April 2020 (in Vietnamese).